

---

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021**  
**CÔNG TY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**



## MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....	<b>3</b>
<b>1. Thông tin khái quát</b> .....	<b>3</b>
<b>2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:</b> .....	<b>4</b>
<b>3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý</b> .....	<b>4</b>
3.1. <i>Mô hình quản trị:</i> .....	4
3.2. <i>Cơ cấu bộ máy quản lý:</i> .....	4
3.3. <i>Các công ty con, công ty liên kết</i> .....	6
<b>4. Định hướng phát triển</b> .....	<b>8</b>
4.1. <i>Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:</i> .....	8
4.2. <i>Chiến lược phát triển trung và dài hạn:</i> .....	8
<b>5. Các rủi ro:</b> .....	<b>8</b>
5.1. <i>Rủi ro về kinh tế</i> .....	8
5.2. <i>Rủi ro về luật pháp</i> .....	10
5.3. <i>Rủi ro đặc thù</i> .....	10
5.4. <i>Rủi ro về quản trị công ty</i> .....	11
5.5. <i>Rủi ro khác</i> .....	11
<b>6. Thành tích đạt được</b> .....	<b>11</b>
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b> .....	<b>12</b>
<b>1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh</b> .....	<b>12</b>
<b>2. Tổ chức và nhân sự</b> .....	<b>14</b>
2.1. <i>Danh sách Ban điều hành</i> .....	14
2.2. <i>Những thay đổi trong Ban điều hành:</i> .....	16
2.3. <i>Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động</i> .....	16
<b>3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án</b> .....	<b>18</b>
3.1. <i>Các khoản đầu tư lớn</i> .....	18
3.2. <i>Các công ty con, công ty liên kết</i> .....	20
<b>4. Tình hình tài chính</b> .....	<b>23</b>
4.1. <i>Tình hình tài chính</i> .....	23
<b>5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu</b> .....	<b>25</b>
5.1. <i>Cổ phần</i> .....	25
5.2. <i>Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 23/3/2021</i> .....	25
5.3. <i>Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:</i> .....	26
5.4. <i>Giao dịch cổ phiếu quỹ:</i> .....	29



5.5. Các chứng khoán khác: .....	29
<b>6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty .....</b>	<b>29</b>
6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: .....	29
6.2. Chính sách liên quan đến người lao động.....	29
6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....	30
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>30</b>
<b>1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....</b>	<b>30</b>
<b>2. Tình hình tài chính .....</b>	<b>31</b>
<i>Cơ cấu vốn kinh doanh của Công ty hợp nhất .....</i>	<i>31</i>
<b>3. Kế hoạch phát triển trong tương lai .....</b>	<b>31</b>
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....</b>	<b>31</b>
<b>1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: .....</b>	<b>31</b>
<b>2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty: .....</b>	<b>33</b>
<b>3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:.....</b>	<b>33</b>
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>33</b>
<b>1. Hội đồng quản trị.....</b>	<b>33</b>
1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị .....	33
1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	34
1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	34
<b>2. Ban Kiểm soát .....</b>	<b>36</b>
<b>3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát .....</b>	<b>37</b>
3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: .....	37
3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: .....	38
3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: .....	38
3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: .....	38
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN .....</b>	<b>38</b>



## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch:	<b>CÔNG TY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ</b>
Tên viết bằng tiếng nước ngoài:	TECHNO - AGRICULTURAL SUPPLYING JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	TSC
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	số 1800518314 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 25/07/2003 đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06/12/2021.
Vốn điều lệ:	1.476.480.840.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	1.543.931.548.733 đồng
Địa chỉ:	1D, Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Số điện thoại:	02923.825.848
Số fax:	02923.825.844
Website:	<a href="http://www.tscantho.com.vn/">http://www.tscantho.com.vn/</a>
Mã cổ phiếu:	TSC
Sàn niêm yết:	Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX)
Logo Công ty:	



### Quá trình hình thành phát triển

Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tiền thân là Công ty Vật tư Nông nghiệp Hậu Giang có lịch sử hình thành và phát triển đến nay đã gần 46 năm. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh phân bón, xuất khẩu gạo, kinh doanh hoa quả chế biến, thuốc bảo vệ thực vật... Qua gần 46 năm hình thành và phát triển, TSC đã gây dựng được uy tín, thương hiệu đối với người nông dân miền Tây Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung.

- Cuối năm 1976: UBND tỉnh Hậu Giang quyết định thành lập Công ty Vật tư Nông nghiệp Hậu Giang.
- Năm 1986: UBND tỉnh Hậu Giang sáp nhập Công ty giống cây trồng, xí nghiệp giống vào



Công ty Vật tư Nông nghiệp Hậu Giang hình thành nên Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Hậu Giang.

- Năm 1992: Khi đăng ký thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Hậu Giang đã được đổi tên thành Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ theo thông báo số 177/HĐBT/TB ngày 10/10/1992 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm.
- Ngày 25/07/2003: Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo hướng giữ nguyên vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để thu hút thêm vốn.
- Tháng 4/2007: Tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 đồng lên 83.129.150.000 đồng thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu, từ phần thuế thu nhập được miễn giảm và phát hành cho cổ đông hiện hữu.
- Ngày 21/06/2007: Công ty trở thành công ty đại chúng với mức vốn điều lệ là 83.129.150.000 đồng.
- Ngày 04/10/2007: Cổ phiếu TSC chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 113/QĐ-SGDCK của Tổng giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số cổ phần niêm yết lần đầu là 8.312.915 cổ phần.
- Ngày 01/08/2014: TSC đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ khi trở thành thành viên của Công ty cổ phần Đầu tư F.I.T với vốn điều lệ 158.129.150.000 đồng.
- Đến nay, TSC có vốn điều lệ là 1.476.480.840.000 đồng. Bên cạnh mảng kinh doanh nông sản, Công ty đã sở hữu các công ty con cấp 1 và công ty con cấp 2 trong lĩnh vực chế biến nông sản và hàng tiêu dùng.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

– *Ngành nghề kinh doanh:*

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Ngành, nghề kinh doanh chính).  
Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp

– *Địa bàn kinh doanh: Thành phố Cần Thơ, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.*

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

### 3.1. Mô hình quản trị:

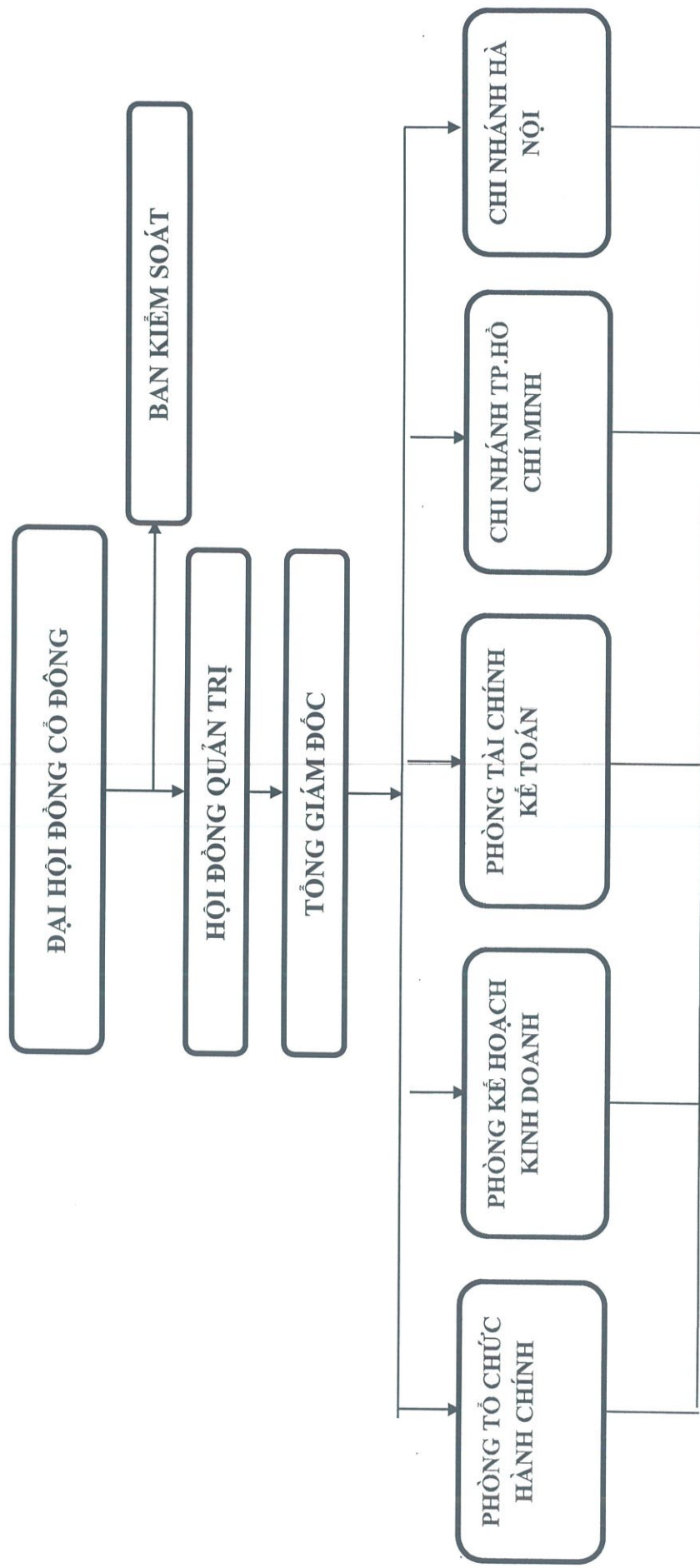
Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*



Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của TSC





### 3.3. Các công ty con, công ty liên kết

#### 3.3.1. Các công ty con

STT	Tên công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận ĐKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Tại thời điểm 31/12/2021	
					Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này	Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty
1	Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	18/06/2003	1800512175	Chế biến và bảo quản rau quả, thu mua và chế biến nông sản, thực phẩm xuất khẩu...	95,87%	95,87%
2	Công ty cổ phần Hạt giống TSC (1)	08/10/2014	1801361391	Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng; nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp...	98,33%	99,74%
3	Công ty cổ phần FIT Consumer (2)	06/11/2015	0313522734	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	81,52%	81,72%
4	Công ty cổ phần Giống cây trồng Nông Tín	12/07/2013	3901167137	Xử lý hạt giống để nhân giống; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	77,67%	77,67%
5	Công ty cổ phần Westfood Hậu Giang (3)	14/09/2015	6300265343	Chế biến và bảo quản rau quả (Chi tiết: Chế biến và đóng hộp rau quả; chế biến và bảo quản rau quả khác)	94,72%	98,00%
6	Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (4)	09/06/2006	4200283916	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết: Sản xuất đồ uống không cồn. Sản xuất nước khoáng thiên nhiên đóng chai)	64,28%	78,85%



(1) TSC hiện đang sở hữu 57,63% vốn điều lệ; Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây (công ty con của TSC) hiện đang sở hữu 42,11% vốn điều lệ.

(2) TSC hiện đang sở hữu 69,5% vốn điều lệ; Công ty cổ phần Hạt giống TSC (công ty con của TSC) hiện đang sở hữu 12,22% vốn điều lệ.

(3) TSC hiện đang sở hữu 0% vốn điều lệ; Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây (công ty con của TSC) hiện đang sở hữu 98% vốn điều lệ.

(4) TSC hiện đang sở hữu 0% vốn điều lệ; Công ty cổ phần FIT Consumer (công ty con của TSC) hiện đang sở hữu 78,85% vốn điều lệ.

### 3.3.2. Các công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy CNDKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Tại thời điểm 31/12/2021	
					Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này	Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty này
1	Công ty cổ phần FIT Cosmetics (*)	22/12/2009	0104344157	Nhập khẩu và phân phối hàng tiêu dùng	39,94%	49%

(\*) TSC hiện đang sở hữu 0% vốn điều lệ; Công ty cổ phần FIT Consumer (công ty con của TSC) hiện đang sở hữu 49% vốn điều lệ.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]





#### 4. Định hướng phát triển

##### 4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- 4.1.1. Xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên giỏi về chuyên môn, năng động, sáng tạo, nhạy bén thích ứng, có năng lực quản lý để đưa Công ty phát triển ngày một vững mạnh.
- 4.1.2. Mở rộng lĩnh vực kinh doanh của Công ty ở những ngành, lĩnh vực mà Công ty có ưu thế và thị trường còn có nhu cầu lớn.
- 4.1.3. Xây dựng và quảng bá thương hiệu để hội nhập kinh tế toàn cầu
- 4.1.4. Duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định trên cơ sở mở rộng quy mô kinh doanh để đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đảm bảo quyền lợi của tất cả nhà đầu tư.

##### 4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- 4.2.1. Việt Nam vốn là một nước nông nghiệp với diện tích gieo trồng lớn nên nhu cầu về phân bón, vật tư kỹ thuật nông nghiệp luôn ở mức cao, cộng với nhu cầu từ các thị trường lân cận như Lào, Campuchia, Myanmar... Ngoài ra, Việt Nam cũng là nước nhiệt đới với các vùng chuyên canh trồng cây ăn quả đa dạng, có diện tích và sản lượng lớn, đây chính là nguồn cung cấp nguyên liệu dồi dào và ổn định cho hoạt động chế biến hoa quả xuất khẩu của công ty.
- 4.2.2. Sau khi chính thức trở thành công ty con của CTCP Tập đoàn F.I.T, TSC đã nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ về vốn, hoạt động quản trị và điều hành cũng như phương hướng và chiến lược kinh doanh trong những năm tới. Cụ thể, dưới sự hỗ trợ của công ty mẹ, TSC đã và đang hoàn thiện cơ cấu mô hình hoạt động, xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn, đẩy mạnh các ngành hàng tiềm năng như chế biến xuất khẩu hoa quả, FMCG.

#### 5. Các rủi ro:

##### 5.1. Rủi ro về kinh tế

###### *Rủi ro về kinh tế*

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Trong giai đoạn năm 2017-2019, nền kinh tế Việt Nam phát triển tương đối ổn định, với tốc độ tăng trưởng GDP năm 2017, 2018, 2019 đạt lần lượt là 6,81%; 7,08% và 7,02%; đều vượt mục tiêu do Quốc Hội đề ra.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 khiến cho nền kinh tế bị đình trệ, Việt Nam vẫn ghi nhận một năm có mức tăng trưởng GDP dương đạt 2,88%, thuộc nhóm nước có tăng trưởng cao nhất thế giới.

Trong xu hướng tổng thể kinh tế - xã hội đã có đà phát triển tốt, nhiều thuận lợi từ môi trường quốc tế có thể mang tới cơ hội cho Việt Nam, tuy nhiên những cơ hội này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro và thách thức. Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng



thăng thương mại giữa Mỹ - Trung, dịch bệnh Covid - 19 với quy mô toàn cầu và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại và kinh tế, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.

Năm 2021, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 2,58% (Quý I tăng 4,72%; Quý II tăng 6,73%; Quý III giảm 6,02%; Quý IV tăng 5,22%) so với năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong Quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh.

### **Rủi ro lạm phát**

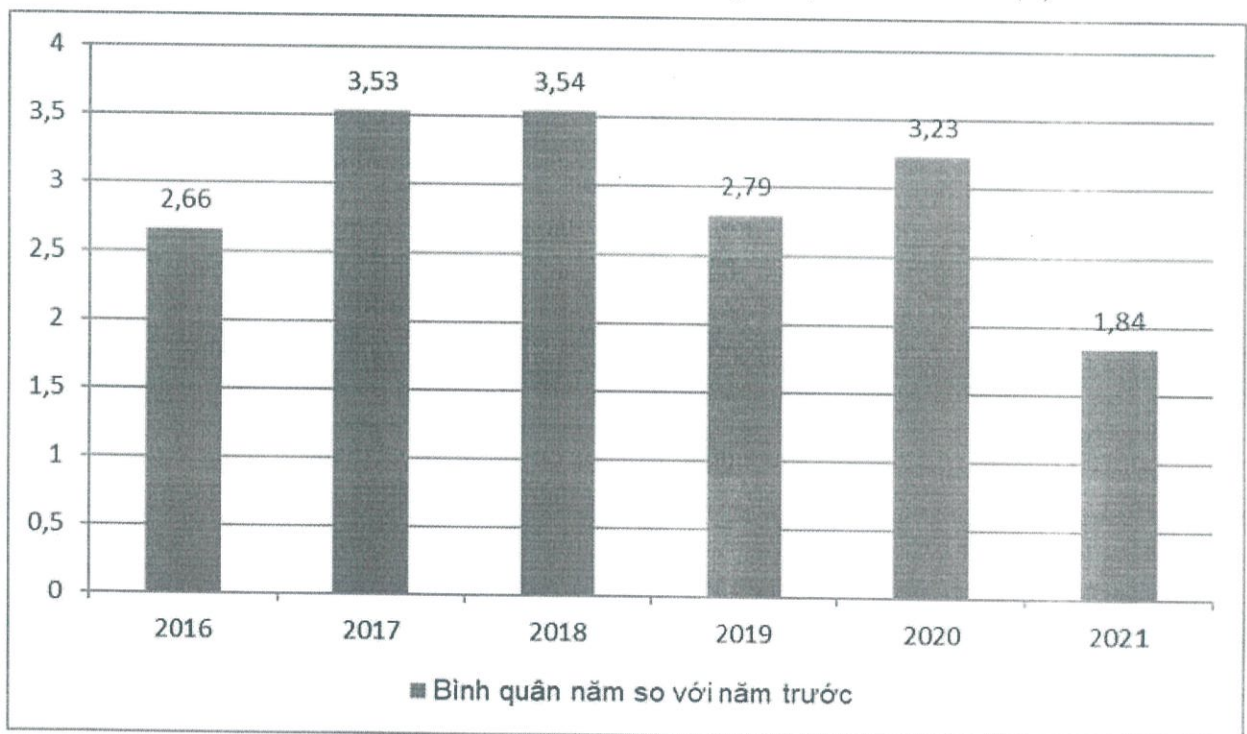
Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

Trong những năm gần đây, Chính phủ luôn đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc thực hiện các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ linh hoạt.

Năm 2019, lạm phát được kiểm soát với mức tương đối thấp, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79%. Trong 2020, mặc dù giá thực phẩm tăng mạnh (đặc biệt là giá thịt lợn) nhưng tác động của dịch Covid-19 khiến cầu hàng hoá suy giảm mạnh trong những tháng cuối năm 2020. Kết thúc 2020, chỉ số CPI đạt mức 3,23% so với năm trước.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số lạm phát bình quân năm 2021 (CPI) tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016.

*Tốc độ tăng chỉ số lạm phát (CPI) của các năm giai đoạn năm 2016-2021 (%)*



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*



### **Rủi ro về lãi suất**

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Việc trần lãi suất liên tục được điều chỉnh giảm được xem như một tiền đề thuận lợi cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, trên thực tế, để tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất hấp dẫn là một vấn đề còn khó khăn đối với Công ty nói riêng và các doanh nghiệp nói chung.

### **5.2. Rủi ro về luật pháp**

Hoạt động kinh doanh của Tổ chức Phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật, chính sách và các quy định tại Việt Nam như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại, Luật Đầu tư.... Các hoạt động kinh doanh của Công ty cần nhiều loại giấy phép và chấp thuận từ các cơ quan nhà nước, các giấy phép này trong một số trường hợp nhất định sẽ cần nộp xin cấp, sửa đổi, cấp mới hoặc gia hạn, tùy trường. Công ty không thể đảm bảo với các nhà đầu tư tiềm năng rằng cơ quan nhà nước có liên quan sẽ cấp giấy phép mới, cho phép sửa đổi hoặc gia hạn giấy phép hiện có cũng như sẽ cấp các giấy phép nói trên trong thời hạn mà Công ty dự kiến. Việc mất, hoặc không thể sửa đổi, xin cấp mới hoặc gia hạn bất kỳ giấy phép hoặc chấp thuận quan trọng nào cần phải có để thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty đều có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng Công ty.

Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Vì thế, các luật và văn bản hướng dẫn có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế hoạch và hoạt động kinh doanh của Công ty.

### **5.3. Rủi ro đặc thù**

Hoạt động chính của TSC là thương mại, các sản phẩm nông sản của Công ty được bán tại thị trường trong nước cũng như nước ngoài. Rủi ro về việc khan hiếm, cạnh tranh trong việc thu mua nguyên vật liệu có thể làm giá thu mua nguyên vật liệu tăng tác động đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mặt khác, việc biến động tỷ giá tiền tệ theo hướng bất lợi có thể tác động đến việc xuất khẩu các sản phẩm nông sản của TSC ra nước ngoài, làm giảm biên lợi nhuận, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, các sản phẩm nông sản đã qua chế biến của Westfood (công ty con của TSC) được xuất khẩu sang một số nước như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... Đây hầu hết là các thị trường khó tính đòi hỏi nghiêm ngặt về vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Sự thay đổi trong chính sách nhập khẩu của từng nước cũng có thể



ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nằm bắt được rủi ro này, Westfood thường xuyên tham gia các hội chợ thương mại, chủ động xúc tiến tìm kiếm đối tác mới nhằm đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Ngoài ra, các sản phẩm nông sản chế biến của Westfood đã được cấp nhiều giấy chứng nhận chất lượng như 9001:2008, Giấy chứng nhận VSATTP, FDA, KOSHER, HACCP, BRC.

Đối với ngành hàng tiêu dùng, Công ty cổ phần FIT Cosmetics (công ty liên kết của TSC) chịu rủi ro cạnh tranh mạnh mẽ đặc biệt từ các thương hiệu hàng tiêu dùng lớn trong nước cũng như nước ngoài. Do đó, Công ty cổ phần FIT Cosmetics luôn chú trọng việc đảm bảo chất lượng, xây dựng quảng bá hình ảnh, giữ uy tín, xây dựng niềm tin với người tiêu dùng để giảm bớt rủi ro cạnh tranh này.

#### 5.4. Rủi ro về quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông như rủi ro về quản trị tài sản và nguồn vốn, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về quy trình và hệ thống... Tuy nhiên, Công ty đã luôn chủ động giảm thiểu tối đa các rủi ro về quản trị công ty thông qua việc tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị công ty, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và kế toán... Trên thực tế, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được sự tăng trưởng ổn định, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra và duy trì ổn định sản xuất kinh doanh.

#### 5.5. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

### 6. Thành tích đạt được

Trong quá trình gần 46 năm hình thành và phát triển, Công ty đã được phong tặng và khen thưởng những danh hiệu như sau:

- Huân chương lao động hạng III năm 1984, Huân chương lao động hạng II năm 1999, huân chương lao động hạng nhất năm 2004;
- Bằng khen tập thể cán bộ công nhân viên có thành tích xuất sắc năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ;
- Bằng khen về thành tích xuất khẩu năm 2001, và 2003 của Bộ Thương mại;
- Danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu có uy tín” và tặng cúp các năm 2004, 2005, 2006 của Bộ Thương mại;
- Danh hiệu “Bạn Nhà nông Việt Nam” năm 2005 và 2006 của Bộ Thương mại;
- Danh hiệu “Bông lúa vàng Việt Nam” năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam;
- Cờ thi đua tặng đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.



## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021 là một năm nhiều khó khăn với các doanh nghiệp nói chung và với TSC nói riêng. Tuy nhiên, Công ty vẫn đạt được những kết quả tích cực. Doanh thu thuần năm 2020 đạt 517,5 tỷ đồng, tăng 12% so với 2019; lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty mẹ đạt 114,8 tỷ đồng, tăng 1.239% so với cùng kỳ. Năm 2021, TSC đạt doanh thu thuần là 517,4 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 132,05 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ năm 2020/2019	Năm 2021	Tỷ lệ năm 2021/2020
1	Doanh thu thuần	416.769	460.146	110%	517.481	112%
2	Lợi nhuận gộp	61.339	73.024	119%	99.858	137%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	54	20.826	38.567%	136.965	658%
4	Lợi nhuận trước thuế	6.530	21.205	325%	137.423	648%
5	Lợi nhuận sau thuế	750	16.788	2.238%	132.055	787%
6	Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty mẹ	1.385	16.891	1.219%	114.836	680%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý IV năm 2021.

- Đối với mảng kinh doanh thương mại: Công ty hạn chế tối đa rủi ro trong mảng kinh doanh nông sản, tập trung đầu tư vào những nông sản mang lại nguồn lợi cao, có lợi thế và khả năng cạnh tranh như tinh bột sắn. Doanh thu thuần mảng thương mại năm 2021 đạt 131,9 tỷ đồng giảm 22% so với cùng kỳ.
- Đối với mảng kinh doanh giống cây trồng: Công ty vẫn đang tìm phương án thoái vốn tại Công ty cổ phần Giống cây trồng Nông Tín và Công ty cổ phần Hạt giống TSC. Công ty không phát sinh doanh thu từ mảng này trong năm 2021.
- Trong lĩnh vực hàng tiêu dùng nhanh: với chiến lược nhằm tạo ra các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường, TSC đã có những chuyển mình đáng kể trong năm 2021. Cụ thể như sau:
  - Mảng nước khoáng, nước giải khát (thông qua công ty con Vikoda): nhờ điều chỉnh chiến lược kinh doanh và sản phẩm đúng đắn, tập trung vào sản phẩm nước khoáng và các thị trường có thể mạnh truyền thống, Vikoda đã có nhiều bước tiến trong năm 2021. Dù vẫn bị ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, doanh thu thuần 2021 đạt 248 tỷ đồng, tương đương so với cùng kỳ 2020 do các khó khăn từ dịch bệnh.



- Mảng hoá mỹ phẩm (thông qua công ty liên kết là Công ty cổ phần FIT Cosmetics): Năm 2021, tiếp tục tập trung vào hoạt động tái cơ cấu đội ngũ bán hàng (tinh gọn, hiệu quả, tăng năng suất bán hàng bình quân), tái cơ cấu danh mục 4 sản phẩm, loại các SKU doanh số thấp, không có triển vọng, tập trung vào các ngành hàng có size lớn, nhiều tiềm năng. Năm 2022, dự kiến sẽ thấy rõ hiệu quả của các hoạt động tái cấu trúc này. Doanh thu thuần năm 2021 đạt 56,27 tỷ đồng, giảm 51,8% so với cùng kỳ năm 2020.
- Mảng chế biến thực phẩm xuất khẩu (thông qua công ty con Westfood): đã đầu tư phát triển vùng nguyên liệu dứa MD2 (khóm MD2) với mục đích phát triển dòng sản phẩm dứa mới, hiệu quả hơn cả về chất lượng sản phẩm và giá trị thương mại, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng trên thị trường và qua đó gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

Westfood hiện đang sở hữu 04 dây chuyền IQF và 02 dây chuyền đóng lon thanh trùng theo công nghệ sản xuất tiêu chuẩn châu Âu cùng hệ thống dây chuyền tiền đông, cắt và cấp đông nhanh cá thể hoàn toàn tự động, đáp ứng được những yêu cầu khắt khe của những thị trường lớn. Trong những năm qua, ngoài việc tiếp tục phát triển quy mô vùng nguyên liệu chính, Westfood đã đầu tư thêm dây chuyền đóng cốc nhựa và máy phóng nhãn hiện đại của Hàn Quốc, nhằm đa dạng hóa và gia tăng công suất sản lượng mảng kinh doanh sản phẩm đóng hộp.

Ngoài ra, Westfood đã đầu tư rất nhiều cho hệ thống máy móc trang thiết bị hiện đại, bắt đầu được đưa vào hoạt động từ các năm trước. Đây chính là một trong những lợi thế cạnh tranh giúp cho đối tác Hàn Quốc mà còn nhiều đối tác tiềm năng khác như Nhật Bản, châu Âu, Mỹ... tin tưởng lựa chọn Westfood là đối tác tin cậy và hợp tác lâu dài. Với những yếu tố sẵn có về vùng nguyên liệu và hạ tầng cơ sở, Westfood hiện đang có sự chuyển mình tích cực trong hiện tại.

Bên cạnh đó với sự đầu tư lớn và hoạch định chiến lược rõ ràng từ công ty mẹ, Westfood đang trên đà phát triển tương xứng với tiềm năng vốn có của mình, hướng tới trở thành một trong những công ty xuất nhập khẩu trái cây cấp đông, đóng lon và đóng cốc nhựa lớn tại Việt Nam. Năm 2021, Westfood đạt doanh thu thuần 279 tỷ đồng, giảm 4% so với cùng kỳ năm 2020.

▪ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết:

Tại 30/6/2021: Theo Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2021 đã được soát xét của TSC, tại ngày 30/06/2021, TSC đang sở hữu 248,25 tỷ đồng cổ phiếu chưa niêm yết, thông tin chi tiết khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết bao gồm:

- Đầu tư 123,15 tỷ đồng vào cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Trí Việt;
- Đầu tư 36 tỷ đồng vào cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Phó Hiến Việt Nam;
- Đầu tư 89,1 tỷ đồng vào cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng.

+ Tại 31/12/2021: Theo Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2021 của TSC, tại ngày 31/12/2021, TSC đang sở hữu 239,656 tỷ đồng cổ phiếu chưa niêm yết, thông tin chi tiết khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết bao gồm:

- Đầu tư 54,32 tỷ đồng vào cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Trí Việt;
- Đầu tư 113,35 tỷ đồng vào cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Phó Hiến Việt



Nam;

➤ **Đầu tư 72 tỷ đồng vào cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng.**

Đây là các khoản đầu tư vào cổ phiếu bằng tiền nhàn rỗi của TSC, mục đích bán lấy lời trong thời gian ngắn, tăng hiệu quả sử dụng vốn của TSC. Các cổ phiếu này là cổ phiếu của các công ty là đối tác lâu năm của TSC. Việc sở hữu cổ phiếu của các công ty này dựa trên sự hiểu biết rõ của Ban lãnh đạo về tình hình tài chính của các doanh nghiệp cũng như tính thanh khoản cao của các khoản đầu tư này. Do vậy, TSC có sự tin tưởng chắc chắn về việc thu được lợi nhuận từ các khoản đầu tư ngắn hạn này. Thực tế cho thấy, nửa cuối năm 2021, nhóm công ty TSC đã bán một phần cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư Trí Việt và Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng với mức lãi cao hơn 10%/năm. Trong năm 2022, nhóm công ty TSC dự kiến sẽ tiếp tục thoái các khoản đầu tư này để tập trung nguồn lực cho hoạt động kinh doanh chính.

▪ **Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa**

Ngày 22/06/2021, Công ty cổ phần FIT Consumer (công ty con của TSC) đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng thêm 3.975.947 cổ phiếu VKD. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần FIT Consumer tại Vikoda tăng từ 49% lên thành 82,13% vốn điều lệ; tỷ lệ sở hữu của TSC tại Vikoda tăng từ 33,94% lên 66,95% vốn điều lệ.

Tại thời điểm nhận chuyển nhượng, giá cổ phiếu VKD trên sàn UPCoM là 77.500 đồng/cổ phiếu. Do vậy, theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn về việc xác định lợi thế thương mại khi hợp nhất công ty con, TSC phải đánh giá lại giá phí khoản đầu tư ban đầu theo giá trị của cổ phiếu tại thời điểm mua để đạt được quyền kiểm soát. Vì vậy, tổng giá phí khoản đầu tư của Công ty cổ phần FIT Consumer vào Vikoda (763,83 tỷ đồng) cao hơn so với phần sở hữu của Công ty cổ phần FIT Consumer trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của Vikoda theo báo cáo tài chính (142,84 tỷ đồng), với mức lớn hơn là 620,99 tỷ đồng.

- TSC chấp nhận mua lại cổ phiếu VKD với mức giá cao hơn giá trị sổ sách, bởi Vikoda sở hữu nguồn khoáng kiềm giá trị lớn, là một trong những mỏ nước khoáng kiềm tự nhiên tốt nhất hiện nay, nhưng giá trị sổ sách của doanh nghiệp chưa phản ánh được. TSC kỳ vọng sẽ phát huy được giá trị khoản này trong tương lai. Bên cạnh đó, khoản lợi thế thương mại mà TSC phải ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất này sẽ được phân bổ dần trong 10 năm.

**2. Tổ chức và nhân sự**

**2.1. Danh sách Ban điều hành**

STT	Họ và tên	Chức danh
<b>I</b>	<b>Ban Tổng giám đốc</b>	
1	Chu Thanh Quân	Tổng Giám đốc
<b>II</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	
1	Nguyễn Thị Trang	Kế toán trưởng



❖ Ông Chu Thanh Quân - Tổng giám đốc

Họ và tên : CHU THANH QUÂN

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 04/11/1984

Nơi sinh : Hà Nam

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- Từ 03/2018 đến nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Amigo Việt Nam

- Từ 09/2018 đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam;

- Từ 01/2019 đến T12/2021 : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Trí Việt

- Từ 12/2021 đến nay : Tổng giám đốc Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Tổng giám đốc Công ty

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

❖ Bà Nguyễn Thị Trang - Kế toán trưởng

Họ và tên : NGUYỄN THỊ TRANG

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 22/10/1988

Nơi sinh : Thanh Hóa

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Thanh Hóa



- Trình độ văn hóa : Cử nhân Đại học
- Trình độ chuyên môn : Kế toán - phân tích - kiểm toán
- Quá trình công tác:
- Từ 2013 - 10/2016 : Kế toán tổng hợp Công ty cổ phần Đầu tư Dũng Tâm
  - Từ 10/2016 - 01/2017 : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam
  - Từ 01/2017 - nay : Kế toán trưởng Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
  - Từ 01/2018 - nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Giống cây trồng Nông Tín
- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng Công ty
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

## 2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

STT	NỘI DUNG THAY ĐỔI	NGÀY THAY ĐỔI
1	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Phan Minh Sáng	01/12/2021
2	Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Chu Thanh Quân	01/09/2021

## 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của doanh nghiệp nên TSC luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

- Tổng số nhân viên của công ty mẹ và các công ty thành viên tại thời điểm 31/12/2019 là 638 người.
- Tổng số nhân viên của công ty mẹ và các công ty thành viên tại thời điểm 31/12/2020 là 654 người.
- Tổng số nhân viên của công ty mẹ và các công ty thành viên tại thời điểm 31/12/2021 là 1.103 người.



*Cơ cấu nhân sự của TSC và các công ty thành viên trong 03 năm gần nhất*

STT	Cơ cấu lao động	Tổng số nhân viên tại thời điểm		
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
<b>I</b>	<b>Phân theo giới tính</b>	<b>638</b>	<b>654</b>	<b>1.103</b>
1	Nam	230	237	576
2	Nữ	408	417	527
<b>II</b>	<b>Phân theo trình độ học vấn</b>	<b>638</b>	<b>654</b>	<b>1.103</b>
1	Trình độ trên Đại học	6	5	4
2	Trình độ Đại học	72	76	168
3	Đối tượng khác	560	573	931
<b>III</b>	<b>Phân theo lao động thường xuyên/thời vụ</b>	<b>638</b>	<b>654</b>	<b>1.103</b>
1	Lao động thường xuyên	638	654	1.103
2	Lao động thời vụ	0	0	0

*Nguồn: TSC và các công ty thành viên*

**2.3.1. Chính sách đối với người lao động**

▪ **Chế độ làm việc**

- Công ty tổ chức làm việc 7 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Ngoài ra, khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, TSC có thể yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, đồng thời thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước;
- Tất cả nhân viên đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành và được xét lên lương khi đến kỳ hạn hoặc có thành tích xuất sắc;
- Điều kiện làm việc: Công ty cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc cho nhân viên. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

▪ **Chính sách lương thưởng và phúc lợi**

- Tất cả nhân viên của Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định. Chính sách đãi ngộ hợp lý thể hiện qua quy chế tiền lương, tiền thưởng được xây dựng theo hướng mở, linh hoạt, phản ánh đúng kết quả người lao động.
- Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty còn có thưởng thêm cho nhân viên vào các



dịp lễ, tết. Ngoài ra, hàng năm Công ty còn trích một phần lợi nhuận để giúp đỡ những cán bộ công nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn và có các chế độ ưu đãi về nhà ở cho tất cả nhân viên Công ty.

- Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động Công ty: Công ty không có quy chế chung. Tuy nhiên, theo từng lần, ĐHĐCĐ và HĐQT sẽ có quy chế cụ thể cho việc phát hành.

▪ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

- Hàng năm, các phòng/bộ phận Công ty lập kế hoạch tuyển dụng, xác định chức danh, số lượng nhân sự cần tuyển và thời điểm tuyển dụng, để làm cơ sở thực hiện.
- Trong trường hợp phát sinh nhu cầu nhân sự đột xuất do: công việc phát sinh, nhân sự thôi việc, điều chuyển, cử đi học hoặc thăng tiến ... thì phòng/bộ phận Công ty lập kế hoạch tuyển dụng đột xuất.
- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và nhu cầu thực tế gắn với kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Công ty để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong từng thời kỳ. Căn cứ định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty đề ra, Phòng Hành chính – Nhân sự lập kế hoạch đào tạo gắn với kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Công ty, trình Tổng giám đốc xem xét, phê duyệt. Kế hoạch đào tạo của Phòng Hành chính – Nhân sự lập ra phải theo nhu cầu đào tạo cán bộ, nhân viên của các phòng, ban, bộ phận công tác; đồng thời phải mang tính chất tiên liệu, dự báo nhu cầu đào tạo nhân sự như một nguồn lực để hỗ trợ cho Công ty hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh hàng năm đề ra.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

**3.1. Các khoản đầu tư lớn**

Các Hợp đồng lớn đã thực hiện trong năm 2021:

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*



TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tổng giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn của Tổ chức phát hành	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
<b>I. Hợp đồng đầu vào</b>								
1	HĐ 16/HĐMB/TT L-TSC/2021	LAO TTL AGRICULTURE AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT SOLE CO., LTD	Tinh bột sắn	01/01/2021	T1/2021 - T7/2021	37.847	Không có mối quan hệ	Không có
2	HĐ 17/HĐMB/TT L-TSC/2021	LAO TTL AGRICULTURE AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT SOLE CO., LTD	Tinh bột sắn	15/02/2021	T5/2021 - T9/2021	23.698	Không có mối quan hệ	Không có
3	HĐ 18/HĐMB/TT L-TSC/2021	LAO TTL AGRICULTURE AND INDUSTRIAL DEVELOPMENT SOLE CO., LTD	Tinh bột sắn	15/07/2021	T8/2021 - nay	25.962	Không có mối quan hệ	Không có
<b>II. Hợp đồng đầu ra</b>								
1	0104/TBS-BR/2021	Hợp tác xã chuyên nghiệp nông nghiệp quảng thuận TP Bàng Trường	Tinh bột sắn	01/04/2021	T5/2021 - T9/2021	12.212	Không có mối quan hệ	Không có
2	0401/TBS-BR/2021	NANNING HAI SHENGDA TRADING CO., LTD	Tinh bột sắn	04/01/2021	T1/2021 - T9/2021	9.763	Không có mối quan hệ	Không có
3	1008/TBS-BR/2021	Công ty Hữu Hạn Mậu Dịch XNK Thiên Thiên Malipo	Tinh bột sắn	10/08/2021	T8/2021	12.852	Không có mối quan hệ	Không có



### 3.2. Các công ty con, công ty liên kết

Tình hình đầu tư của Công ty tại một số công ty con như sau:

#### ❖ Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây (công ty con)

Tình hình tài chính của Westfood giai đoạn năm 2016 – 2021

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	2021
<b>Tài sản</b>						
Tài sản ngắn hạn	235	163	166	160	225	240
Tài sản dài hạn	221	271	269	269	257	236
<b>Tổng tài sản</b>	<b>457</b>	<b>434</b>	<b>436</b>	<b>430</b>	<b>482</b>	<b>476</b>
<b>Nguồn vốn</b>						
Nợ phải trả	91	51	44	31	64	40
<i>Trong đó: Nợ ngắn hạn</i>	<i>69</i>	<i>33</i>	<i>36</i>	<i>31</i>	<i>64</i>	<i>40</i>
Vốn chủ sở hữu	365	383	392	399	418	436
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>457</b>	<b>434</b>	<b>436</b>	<b>430</b>	<b>482</b>	<b>476</b>
<b>Khả năng tự tài trợ</b>						
Hệ số tự tài trợ	0.80	0.88	0.90	0.93	0.87	0.92
Hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn	1.65	1.41	1.46	1.48	1.63	1.85
<b>Khả năng thanh toán</b>						
Khả năng thanh toán tổng quát	5.02	8.51	9.91	13.87	7.53	11.90
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	3.41	4.94	4.61	5.16	3.52	6.00
<b>Kết quả hoạt động</b>						
Doanh thu thuần	295	274	290	253	292	279
Tăng trưởng (% YOY)	12%	-7%	6%	-13%	16%	-4%
Giá vốn	248	220	234	205	232	227



Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tăng trưởng (% YOY)	23%	-11%	7%	-13%	13%	-2%
Lợi nhuận gộp	47	54	55	48	60	52
Tăng trưởng (% YOY)	-25%	14%	3%	-13%	25%	-13%
Biên lợi nhuận gộp (%)	16%	20%	19%	19%	21%	19%
Lợi nhuận sau thuế	9	17	15	7	20	18
Tăng trưởng (% YOY)	-81%	94%	-16%	-49%	164%	-10%
ROE (%)	2,5%	5%	4%	1,9%	5%	4%
ROA (%)	2,0%	4%	3%	1,7%	4%	4%

Doanh thu của WestFood trong giai đoạn năm 2016 – 2021 ổn định trong khoảng 279 tỷ đồng, lợi nhuận gộp trong khoảng 50 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp dao động trong khoảng 20%, lợi nhuận sau thuế tăng từ 9 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng. Tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu và tài sản trong khoảng 2,5 - 4%.

❖ **Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hoà (công ty con cấp 2)**

Tình hình tài chính của Vikoda giai đoạn năm 2016 – 2021 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	2021
<b>Tài sản</b>						
Tài sản ngắn hạn	45	68	72	113	130	210
Tài sản dài hạn	177	167	160	150	137	106
<b>Tổng tài sản</b>	<b>222</b>	<b>235</b>	<b>232</b>	<b>264</b>	<b>267</b>	<b>315</b>
<b>Nguồn vốn</b>						
Nợ phải trả	67	80	77	93	93	123
<i>Trong đó: Nợ ngắn hạn</i>	<i>55</i>	<i>63</i>	<i>71</i>	<i>82</i>	<i>83</i>	<i>113</i>
Vốn chủ sở hữu	155	155	155	171	174	192
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>222</b>	<b>235</b>	<b>232</b>	<b>264</b>	<b>267</b>	<b>315</b>
<b>Khả năng tự tài trợ</b>						



Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Hệ số tự tài trợ	0,70	0,66	0,67	0,65	0,65	0,61
Hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn	0,88	0,93	0,97	1,14	1,27	1,82
<b>Khả năng thanh toán</b>						
Khả năng thanh toán tổng quát	0,68	0,86	0,94	1,22	1,39	2,56
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	0,82	1,09	1,02	1,38	1,56	1,86
<b>Kết quả hoạt động</b>						
Doanh thu thuần	188	211	217	290	248	248
Tăng trưởng (% YOY)	15%	12%	3%	34%	-15%	0%
Giá vốn	168	159	163	167	142	149
Tăng trưởng (% YOY)	54%	-5%	3%	2%	-15%	3%
Lợi nhuận gộp	21	53	54	123	106	99
Tăng trưởng (% YOY)	-63%	156%	3%	128%	-14%	-5%
Biên lợi nhuận gộp (%)	11%	25%	25%	42%	43%	40%
Lợi nhuận sau thuế	3	-0,01	-0,22	16	2,6	13
Tăng trưởng (% YOY)	-71%	-100%	-1926%	7326%	-84%	412%
ROE (%)	1,9%	0%	0%	9,5%	3%	7%
ROA (%)	1,3%	0%	0%	6,1%	2%	4%

Doanh thu của Vikoda tăng mạnh trong giai đoạn năm 2016 – 2021 tăng từ 188 tỷ đồng lên 248 tỷ đồng, lợi nhuận gộp tăng mạnh từ 21 tỷ đồng lên 99 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp tăng mạnh từ 11% lên 40%, lợi nhuận sau thuế cũng tăng mạnh từ 3 tỷ đồng lên 13 tỷ đồng.

Doanh nghiệp kỳ vọng các năm trong tương lai khi kế hoạch mở rộng thị trường với các dòng sản phẩm mới cao cấp, có lợi cho sức khỏe người tiêu dùng gắn với các giá trị cốt lõi, khác biệt của Vikoda được đưa ra theo lộ trình và chiến lược sản phẩm sẽ giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có kết quả tích cực hơn.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

#### 4. Tình hình tài chính

##### 4.1. Tình hình tài chính

4.1.1. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong giai đoạn năm 2019 - 2021 của Công ty hợp nhất:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm	Năm 2021	% tăng/giảm
- Tổng giá trị tài sản	1.940.616	1.991.911	2,64%	2.303.482	15,64%
- Doanh thu thuần	416.769	460.146	10,41%	517.481	12,46%
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	54	20.826	38466,67%	136.965	557,66%
- Lợi nhuận khác	6.476	379	-94,15%	458	20,84%
- Lợi nhuận trước thuế	6.530	21.205	224,72%	137.423	548,10%
- Lợi nhuận sau thuế	750	16.788	2138,40%	132.055	686,60%
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-	-
- Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-	-

4.1.2. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong giai đoạn năm 2019 - 2021 của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm	2021	% tăng/ giảm
- Tổng giá trị tài sản	1.517.143	1.516.607	-0,04%	1.658.043	9,33%
- Doanh thu thuần	141.069	169.250	19,98%	131.946	-22,04%
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	- 7.975	6.038	-175,71%	41.907	594,05%
- Lợi nhuận khác	- 2	34	-1800,0%	9	-73,53%
- Lợi nhuận trước thuế	- 7.977	6.072	-176,12%	41.916	590,32%





Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm	2021	% tăng/ giảm
- Lợi nhuận sau thuế	- 8.306	6.064	-173,01%	38.340	532,26%
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-	-
- Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-	-

4.1.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Khả năng thanh toán							
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:							
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	9,73	14,63	2,40	3,34	6,38	3,70
- Hệ số thanh toán nhanh:							
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	9,46	14,28	2,40	3,00	6,07	3,48
2. Cơ cấu vốn							
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,01	0,01	0,07	0,06	0,08	0,13
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,01	0,01	0,07	0,07	0,09	0,14
3. Năng lực hoạt động							
- Vòng quay tổng tài sản:							
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,09	0,11	0,08	0,21	0,23	0,24
- Vòng quay vốn lưu động:							
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	0,79	1,02	0,61	1,01	0,69	0,53
- Vòng quay hàng tồn kho:							
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	18,77	36,31	63,87	6,21	9,07	7,83
4. Khả năng sinh lời							
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh							



Các chỉ tiêu	Đơn vị	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
thu (ROS):							
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-5,89%	3,58%	29,06%	0,18%	3,65%	25,52%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA):							
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-0,54%	0,40%	2,42%	0,04%	0,85%	6,15%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):							
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-0,55%	0,40%	2,51%	0,04%	0,92%	6,86%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/cổ phần	-56	41	260	9	114	778

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần: 147.648.084 cổ phần

### 5.2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 23/3/2021

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập:	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn:	83.700.523	56.69%	1	1	0
	- Trong nước	83.700.523	56.69%	1	1	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty:	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0



5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác:	63.947.561	43,31%	3180	31	3149
	- Trong nước	62.372.986	42,24%	3110	24	3086
	- Nước ngoài	1.574.575	1,07%	70	7	63
<b>TỔNG CỘNG:</b>		147.648.084	100%	3181	32	3149
<i>Trong đó: - Trong nước</i>		146.073.509	98,93%	3111	24	3087
<i>- Nước ngoài</i>		1.574.575	1,07%	70	7	63

### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ được thành lập với hình thức công ty cổ phần từ năm 2003 với vốn điều lệ ban đầu là 25,179 tỷ đồng. Từ đó đến nay, Công ty đã có các lần tăng vốn như sau:

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*



STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
1	Tháng 4/2007	Từ 60 tỷ đồng lên 83,129 tỷ đồng	23,129	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, từ phần thuế thu nhập được miễn giảm và phát hành cho cổ đông hiện hữu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul>
2	Tháng 8/2014	Từ 83,129 tỷ đồng lên 158,129 tỷ đồng	75,000	Phát hành cho cổ đông chiến lược: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối tượng phát hành: Cổ đông chiến lược;</li> <li>- Số lượng phát hành: 7.500.000 cổ phiếu;</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 24/NQ.CPVTKTNN ngày 27/06/2014</li> <li>- Công văn số 4087/UBCK-QLPH của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 15/7/2014.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 thay đổi lần thứ 09 ngày 02/12/2014.</li> </ul>
3	Tháng 5/2015	Từ 158,129 tỷ đồng lên 271,982 tỷ đồng	113,853	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu;</li> <li>- Số lượng cổ phiếu: 1.106.903 cổ phiếu;</li> <li>- Tỷ lệ chi trả: 7%.</li> </ul> </li> <li>▪ Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu;</li> <li>- Số lượng phát hành: 9.487.749 cổ phiếu;</li> <li>- Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:60 (cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 60 cổ phiếu mới).</li> </ul> </li> <li>▪ Phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: Đối</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 24/NQ.CPVTKTNN ngày 27/06/2014;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 09/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 02/03/2015;</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu số 67/BC.CPVTKTNN ngày 08/04/2015;</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty số 66/BC.CPVTKTNN ngày 08/04/2015;</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 65/BC.CPVTKTNN ngày 08/04/2015;</li> </ul>



				<p>tương phát hành: người lao động trong Công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng phát hành: 790.645 cổ phiếu;</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/CP.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 thay đổi lần thứ 10 ngày 27/05/2015</li> </ul>
<p>4</p>	<p>Tháng 5/2015</p>	<p>Từ 271,982 tỷ đồng lên 738,240 tỷ đồng</p>	<p>466,258</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Chào bán cho cổ đông hiện hữu;</li> <li>- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu;</li> <li>- Số lượng cổ phiếu phát hành: 31.625.830 cổ phiếu;</li> <li>- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.</li> <li>- Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:2 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu cũ được quyền mua 2 cổ phiếu mới)</li> <li>▪ Phát hành cho cổ đông chiến lược:</li> <li>- Đối tượng phát hành: Cổ đông chiến lược;</li> <li>- Số lượng phát hành: 15.000.000 cổ phiếu;</li> <li>- Giá phát hành: 12.500 đồng/cổ phiếu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 24/NQ.CPVTKTNN ngày 27/06/2014;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 09/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 02/03/2015;</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 100/BC.CPVTKTNN ngày 12/05/2015;</li> <li>- Công văn số 2037/UBCK-QLPH ngày 27/04/2015 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ của TSC;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 thay đổi lần thứ 10 ngày 27/05/2015</li> </ul>
<p>5</p>	<p>21/9/2015</p>	<p>Từ 738,240 tỷ đồng lên 1.476,480 tỷ đồng</p>	<p>738,240</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;</li> <li>- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu;</li> <li>- Số lượng phát hành: 73.824.042 cổ phiếu;</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu;</li> <li>- Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu cũ được quyền mua 1 cổ phiếu mới)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 2 số 49/NQ-HĐQT ngày 08/11/2014.</li> <li>- Công văn số 40/GCN-UBCK ngày 26/6/2015 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng của TSC</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 thay đổi lần thứ 12 ngày 09/10/2015</li> </ul>



**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Không có

**5.5. Các chứng khoán khác:**

Không có

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

**6.2. Chính sách liên quan đến người lao động**

**6.2.1. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:**

**a. Số lượng lao động**

Tổng số nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 05 người.

**b. Mức lương bình quân**

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	36.087.188	27.138.915	25.855.121

**6.2.2. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

Các chính sách đối với người lao động

Đối với Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, con người là nguồn tài nguyên, là động lực quyết định kết quả hoạt động của Công ty. Với tiêu chí gắn trách nhiệm với quyền lợi, khuyến khích tính sáng tạo trong công việc, gắn liền với chế độ đãi ngộ với mức lương hấp dẫn mà không phải doanh nghiệp nào ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long hay khu vực phía Nam cũng có được. Công ty luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh để người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo, thể hiện được tính năng động và góp phần hiệu quả vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Tất cả CBCNV của công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định. Chính sách đãi ngộ hợp lý thể hiện qua quy chế tiền lương, tiền thưởng được xây dựng theo hướng mở, linh hoạt, phản ánh đúng kết quả người lao động.

Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh. Công ty còn có thưởng thêm cho CBCNV vào các dịp lễ, tết, Ngoài ra, hàng năm Công ty còn trích một phần lợi nhuận để giúp đỡ những cán bộ công nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn và có các chế độ ưu đãi về nhà ở cho tất cả CBCNV Công ty.

**6.2.3. Hoạt động đào tạo người lao động**



- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 08 giờ/năm
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và nhu cầu thực tế gắn với kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Công ty để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong từng thời kỳ. Căn cứ định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty đề ra. Phòng Hành chính – Nhân sự lập kế hoạch đào tạo gắn với kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Công ty, trình Tổng Giám đốc xem xét, phê duyệt. Kế hoạch đào tạo của Phòng Hành chính – Nhân sự lập ra phải theo nhu cầu đào tạo cán bộ, nhân viên của các Phòng, Ban, Bộ phận công tác; đồng thời phải mang tính chất tiên liệu, dự báo nhu cầu đào tạo nhân sự như một nguồn lực để hỗ trợ cho Công ty hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh hàng năm đề ra.

### 6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Trong những năm qua, TSC và các công ty thành viên luôn đồng hành cùng xã hội thông qua các hoạt động thiết thực, ý nghĩa. Trước ảnh hưởng của dịch Covid, TSC đã phối hợp cùng công ty mẹ là Tập đoàn F.I.T và các công ty thành viên để đồng tâm hiệp lực thực hiện chương trình các chương trình lớn như “F.I.T chung tay bảo vệ sức khỏe cộng đồng”, “Tiếp sức bệnh viện Nhiệt Đới Trung Ương chống dịch Covid 19”, tài trợ tiền mặt theo lời kêu gọi của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để đồng hành cùng cả nước chống dịch.

Bên cạnh các chương trình xã hội có quy mô lớn, hàng tháng, hàng quý, TSC đã phối hợp cùng công ty mẹ là Tập đoàn F.I.T và các công ty thành viên luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội trên nhiều lĩnh vực như đời sống, giáo dục, y tế, thể thao..., tích cực chia sẻ yêu thương đối với cộng đồng và góp phần nâng cao đời sống của người Việt, có thể kể đến như các chương trình tặng quà cho các em nhỏ tại Trung tâm Bảo trợ Xã hội IV tại Ba Vì; tặng xe đạp cho trẻ em nghèo hiếu học; tài trợ Ngày hội chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; đồng hành cùng các chương trình bảo vệ môi trường, giảm thiểu rác thải; tài trợ các giải Golf cấp Quốc gia, cung cấp nước uống độc quyền trong các giải đấu;

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021, TSC cũng bị ảnh hưởng bởi những khó khăn chung của kinh tế, đặc biệt là đối với các lĩnh vực hoạt động chủ chốt của Công ty như xuất khẩu rau quả đóng hộp, thương mại quốc tế, ...

Với tinh thần hành động quyết liệt, khẩn trương, ngay khi dịch Covid-19 mới xuất hiện, Ban lãnh đạo Công ty đã kịp thời, chủ động đưa ra các giải pháp ngăn ngừa dịch bệnh lây lan và ứng phó với những diễn biến bất thường của nền kinh tế, theo phương châm vừa đảm bảo an toàn trong phòng chống dịch vừa duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định. Nhờ các giải pháp toàn diện, đúng đắn nêu trên, cùng với tinh thần quyết liệt, ý chí quyết tâm, đồng lòng của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên, kết thúc năm 2021, Công ty đã cơ bản hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của năm.

Theo đó, doanh thu thuần năm 2020 đạt 517,5 tỷ đồng, tăng 12% so với 2020; lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty mẹ đạt 114,8 tỷ đồng, tăng 1.239% so với cùng kỳ. Năm 2021, TSC đạt doanh thu thuần là 517,4 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 132,05 tỷ đồng



## 2. Tình hình tài chính

TSC luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ Công ty.

Tính tới thời điểm 31/12/2021, tổng tài sản của Công ty là 2.303.482 triệu đồng, tăng 15,64% so với thời điểm cuối năm 2020, trong đó nợ phải trả là gần 288.881 triệu đồng. Việc tăng vốn điều lệ và vốn kinh doanh trong những năm gần đây đã góp phần đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể là đầu tư trang thiết bị tăng năng lực sản xuất kinh doanh.

*Cơ cấu vốn kinh doanh của Công ty hợp nhất*

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Tổng tài sản	1.940.616	1.991.911	2.303.482
Nợ phải trả	119.732	156.823	288.881
Vốn chủ sở hữu	1.820.884	1.835.088	2.014.601
Vốn điều lệ	1.476.481	1.476.481	1.476.481

## 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục thu hẹp các mảng kinh doanh không hiệu quả, rủi ro cao để tập trung cho các mảng có tiềm năng.

Mảng thực phẩm: CTCP Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây (Westfood) sẽ tiếp tục mở rộng đầu tư vào vùng nguyên liệu nhằm tăng tính chủ động và cải thiện biên lợi nhuận kinh doanh. Nhiệm vụ quan trọng trong năm 2021 là tăng năng lực sản xuất, mở rộng đầu tư để đảm bảo đáp ứng được những đơn đặt hàng lớn từ bạn hàng nước ngoài, duy trì hiệu quả kinh doanh ổn định. Hoạt động R&D của WESTFOOD cũng được chú trọng đầu tư: Phòng R&D với máy móc hiện đại, các kỹ sư được đào tạo hàng năm, không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng, và đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng. Cùng với quy trình sản xuất thống nhất đồng bộ, trang thiết bị hiện đại, WESTFOOD còn có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, nghiên cứu với kinh nghiệm hơn 20 năm trong lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu rau quả, và các cán bộ công nhân lành nghề đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm sản xuất.

TSC sẽ đẩy mạnh đầu tư phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng doanh thu và đầu tư có chiều sâu vào mảng hàng tiêu dùng, mục tiêu đưa FIT Consumer lên hàng ngũ những doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành hàng FMCG.

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2021, HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành và các cán bộ quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh, huy động quản lý nguồn vốn, duy trì và từng bước nâng





cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm.

Trong năm 2021, các thành viên trong HĐQT Công ty đã phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả cao. HĐQT đóng vai trò định hướng, chỉ đạo, giám sát tình hình triển khai các chủ trương quyết định và hỗ trợ Ban Điều hành trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

- HĐQT thường xuyên giám sát các công tác điều hành quản lý, chỉ đạo tổ chức sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám Đốc để thực hiện kịp thời tiến độ kinh doanh;
- HĐQT Công ty định kỳ hàng tháng tổ chức các buổi họp cùng với đại diện lãnh đạo các công ty con để nghe báo cáo đánh giá công tác quản lý tài chính, thực hiện chế độ kiểm toán cũng như quản trị doanh nghiệp tại các công ty con. Từ đó, HĐQT đưa ra các ý kiến và biện pháp xử lý vấn đề phát sinh, các chiến lược kinh doanh kịp thời, áp dụng mức chi phí quản lý doanh nghiệp, doanh thu... nhằm bảo toàn nguồn vốn góp của công ty mẹ, đảm bảo việc hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả tại các công ty con;
- Xét tổng quan, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các quy định của pháp luật, hướng tới mục tiêu cao nhất là đem lại giá trị, lợi ích cho cổ đông;
- Đối với mảng kinh doanh thương mại: Tiếp tục thực hiện việc thu hẹp mảng kinh doanh nông sản, hạn chế tối đa rủi ro. Tập trung đầu tư vào những nông sản mang lại nguồn lợi cao, khả năng cạnh tranh lớn.
- Đối với mảng kinh doanh giống cây trồng: Tiếp tục tìm phương án thoái vốn tại Công ty Nông Tín và Công ty giống cây trồng TSC.
- Trong lĩnh vực hàng tiêu dùng nhanh, với chiến lược nhằm tạo ra các sản phẩm không độc hại với con người, ít chất tẩy gây ô nhiễm môi trường và cắt giảm mặt hàng không có lợi thế cạnh tranh, TSC đã có những chuyển mình đáng kể trong năm 2020.

Trong năm 2021, HĐQT đã thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; giám sát các hoạt động của Tổng Giám đốc và bộ máy nhân sự.

- HĐQT duy trì đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất theo yêu cầu công việc. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức theo đúng quy định; các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận rất lớn của người lao động trong toàn Công ty. Đây cũng chính là một trong những nhân tố quan trọng góp phần vào sự phát triển vững chắc của Công ty.
- Các thành viên HĐQT là những người am hiểu các ngành nghề hoạt động và có nhiều kinh nghiệm nên đã đóng góp được nhiều ý kiến xác đáng, mang lại hiệu quả cao cho công tác quản lý Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT đã luôn đồng hành cùng Ban điều hành trong việc xử lý các vấn đề khó khăn trong hoạt động của Công ty.
- HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát theo dõi sát sao, nhằm đảm bảo an toàn hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; đồng thời đảm bảo sự tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật và của Điều lệ Công ty
- Việc công bố thông tin của HĐQT được thực hiện chính xác, đầy đủ, kịp thời và đảm bảo



theo đúng quy định của pháp luật hiện hành

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

Ban Giám đốc các hoạt động của Công ty tuân thủ đúng các quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành; không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; quan tâm và không ngừng nâng cao chất lượng cán bộ quản lý của Công ty.

Ban Giám đốc đã triển khai cụ thể các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp với Nghị quyết HĐQT và NQ ĐHCĐ đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

Ban Giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng nỗ lực trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các khía cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh được Ban Giám đốc báo cáo đầy đủ lên Hội đồng quản trị và cung cấp thông tin cần thiết, hỗ trợ tối đa cho hoạt động của Ban kiểm soát.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2022, HĐQT Công ty tiếp tục có những chỉ đạo, định hướng công ty theo sát thị trường, đảm bảo duy trì các hoạt động sản xuất hiện tại, đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu. Tiếp tục mục tiêu tái cơ cấu ngành nghề hiện tại theo hướng giảm tỷ trọng các hoạt động kinh doanh không còn là thế mạnh, tiếp tục phát huy những hoạt động mang lại hiệu quả cho công ty.

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị**

**1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác	Công ty
1	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch HĐQT	0	Chủ tịch HĐQT	CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY
				Thành viên HĐQT	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DŨNG TÂM CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA



STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác	Công ty
2	Ông Phan Minh Sáng	TV HĐQT	0	Thành viên HĐQT	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG NÔNG TÍN
				Phó Tổng Giám đốc	CÔNG TY CỔ PHẦN HẠT GIỐNG TSC
3	Ông Đỗ Thế Cao	TV HĐQT	0	Thành viên HĐQT	CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN F.I.T CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC UNG THƯ BENOVAS
				Trưởng Ban kiểm soát	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG
				Quyền Giám đốc tài chính	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T
4	Bà Bùi Thanh Hương	TV HĐQT	0	Phó Giám đốc	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THĂNG LONG HÀ NỘI
5	Bà Trương Thị Thu Hạnh	TV HĐQT	0	Trưởng đại diện	VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN AWR LLOYD

**1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

Không có

**1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

*1.3.1. Các cuộc họp HĐQT:*

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	19/19	100%	



2	Ông Phan Minh Sáng	14/19	73,7%	Lý do cá nhân
3	Bà Tường Thị Thu Hạnh	19/19	100%	
4	Bà Bùi Thanh Hương	19/19	100%	
5	Ông Đỗ Thế Cao	19/19	100%	

### 1.3.2. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2021)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2021/NQ-HĐQT	01/02/2021	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng và tổ chức ĐHCĐ thường niên 2021
2	02.1/2021/NQ-HĐQT	30/03/2021	Thông qua Quy chế kiểm toán nội bộ
3	02/2021/NQ-HĐQT	10/06/2021	Thông qua giao dịch với các bên có liên quan
4	03.1/2021/NQ-HĐQT	23/06/2021	Thông qua việc chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng cổ phần do doanh nghiệp khác phát hành
5	032/2021/NQ-HĐQT	10/07/2021	Thông qua hợp đồng vay với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng và ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa nông sản với Công ty Lao Ttl Agriculture And Industrial Development co.,ltd
6	03/2021/NQ-HĐQT	13/07/2021	Thông qua việc miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc
7	04/2021/NQ-HĐQT	13/07/2021	Thông qua việc miễn nhiệm Giám đốc chi nhánh
8	05/2021/NQ-HĐQT	27/07/2021	Thông qua việc triển khai chào bán cổ phiếu năm 2021
9	06/2021/NQ-HĐQT	27/07/2021	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu năm 2021
10	07/2021/NQ-HĐQT	27/09/2021	Thông qua việc chuyển nhượng cổ phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt phát hành
11	08/2021/NQ-HĐQT	30/09/2021	Thông qua một số nội dung trong việc triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			năm 2021
12	09/2021/NQ-HĐQT	30/09/2021	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng
13	10/2021/NQ-HĐQT	27/10/2021	Thông qua một số nội dung trong việc triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu năm 2021
14	11/2021/NQ-HĐQT	27/10/2021	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng
15	12/2021/NQ-HĐQT	01/12/2021	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm TGD
16	13/2021/NQ-HĐQT	01/12/2021	Thông qua việc thay đổi đại diện theo pháp luật
17	131/2021/NQ-HĐQT	03/12/2021	Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần do Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt phát hành
18	14/2021/NQ-HĐQT	10/12/2021	Thông qua cá nhân đứng tên chủ tài khoản Ngân hàng của Công ty
19	15/2021/NQ-HĐQT	11/12/2021	Thông qua việc sửa đổi NQ 10/2021/NQ-HĐQT ngày 27/10/2021

## 2. Ban Kiểm soát

### 2.1.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS	26/4/2021	Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS	19/04/2019	Cử nhân tài chính
3	Bà Trần Thị Minh Phương	Thành viên BKS	19/06/2020	Cử nhân Kế toán

### 2.1.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

#### a. Cuộc họp của BKS



STT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Ninh Thị Phương	1/2	50%	100%	Miễn nhiệm ngày 26/4/2021
2	Ông Nguyễn Anh Tuấn	1/2	50%	100%	Bỏ nhiệm ngày 26/4/2021
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	2/2	100%	100%	
4	Bà Trần Thị Minh Phương	2/2	100%	100%	

b. Các hoạt động của BKS:

- Ban kiểm soát đã thực hiện công việc theo quyền hạn và nhiệm vụ được quy định trong điều lệ Công ty nhằm kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, thực hiện Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị Công ty. Các công việc chính đã thực hiện bao gồm:
- Trưởng BKS tham dự toàn bộ các cuộc họp của HĐQT. Kiểm tra việc ban hành, thực thi các Nghị Quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, từ đó đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, kịp thời của công tác quản lý, điều hành Công ty;
- Tổ chức cuộc họp của Ban kiểm soát, đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát qua các quý; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát để thực hiện chức trách của Ban kiểm soát;
- Kiểm tra, thẩm định các Báo cáo tài chính định kỳ của công ty; và
- Kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc lập Báo cáo tài chính định kỳ.
- Tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác điều hành, thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của công ty;
- Phân tích, đánh giá độc lập hoạt động kinh doanh của công ty; trên cơ sở đó đề xuất các ý kiến, khuyến nghị kịp thời, các biện pháp khắc phục, nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh;
- Phối hợp, chỉ đạo bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ và đột xuất các hoạt động nghiệp vụ tại công ty; và
- Ban kiểm soát hỗ trợ và cho ý kiến để chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị nội bộ của Công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**



STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập cả năm
<b>I</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>		
1	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch HĐQT	48.000.000
2	Phan Minh Sáng	Thành viên HĐQT	36.000.000
3	Bùi Thanh Hương	Thành viên HĐQT	36.000.000
4	Tường Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT	36.000.000
5	Đỗ Thế Cao	Thành viên HĐQT	36.000.000
<b>II</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>		
1	Ninh Thị Phương	Trưởng Ban Kiểm soát	7.333.333
2	Nguyễn Thị Hồng Anh	TV Ban Kiểm soát	18.000.000
3	Trần Thị Minh Phương	TV Ban Kiểm soát	18.000.000
4	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát	16.266.667
<b>III</b>	<b>BAN TGD VÀ KTT</b>		
1	Phan Minh Sáng	Tổng Giám đốc	559.721.910
2	Nguyễn Thị Trang	Kế toán trưởng	285.165.120
3	Chu Thanh Quân	Tổng Giám đốc	10.000.000

**3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:**

Chi tiết trong Phụ lục 01 đính kèm theo Báo cáo thường niên này

**3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:**

Chi tiết trong Phụ lục 02 đính kèm theo Báo cáo thường niên này

**3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các bộ phận quản lý trong Công ty đã thực hiện việc quản trị Công ty theo đúng quy định pháp luật.

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN**

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 của Công ty CP Vật tư Kỹ Thuật Nông nghiệp Cần Thơ được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán và đã được đăng tải trên website của Công ty theo đường dẫn: <http://www.tsccantho.com.vn/> - MỤC QUAN HỆ ĐẦU TƯ.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT;

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC



Chu Thanh Quân



PHỤ LỤC 01

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Chủ tịch Hội đồng quản trị	83.700.523	56,6892%	75.342.923	51,0287%	Bán
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Chủ tịch Hội đồng quản trị	75.342.923	51,0287%	60.642.923	41,0726%	Bán
3	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Chủ tịch Hội đồng quản trị	Người nội bộ	80.800	0,055%	0	0%	Bán





PHỤ LỤC 02

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC  
GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (chưa bao gồm thuế GITGT)	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty liên kết	0104344157 Ngày cấp: 22/12/2009, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh	Số 276, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, quận 3, Hồ Chí Minh			Mua hàng 3.490.920  Lợi nhuận HTĐT 1.518.301.371	
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản FIT	Cùng công ty mẹ	0107499328 Cấp ngày: 09/07/2019 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	Tầng 5, Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2021 và Nghị quyết HĐQT số 02/2021/NQ-HĐQT/TSC ngày 10/06/2021	Lợi nhuận Hợp tác đầu tư 1.766.220.063	
3	Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Người có liên quan của TV BKS	Số ĐKKD: 1101403543 Cấp ngày: 23/9/2011 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An	Lô 26, Đường số 9, KCN Tân Đức, H. Đức Hòa, T. Long An			Lợi nhuận Hợp tác đầu tư 788.092.194	
4	Công ty Cổ phần	Công ty con	4200283916	Xã Diên Tân, huyện Diên			Doanh thu cho thuê tài sản	



	nước khoáng Khánh Hòa	cấp 2	Ngày cấp: 09/6/2006, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa	Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	40.000.000	
5	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ	0102182140 Ngày cấp: 27/07/2017 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội	Tầng 5, Times Tower, HACCI Complex, Số 35 Lê Văn Lương, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Chi phí thuê văn phòng, gửi xe, điện 311.702.138  Phí tư vấn 669.679.060	
6	Công ty Cổ phần chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	Công ty con	1800512175 Ngày cấp: 23/02/2016, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Cần Thơ	Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, Khu vực 4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ	Doanh thu cho thuê Tài sản 492.000.000	
7	Công ty Cổ phần hạt giống TSC	Công ty con	1801361391 Ngày cấp: 19/10/2015 Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư TP Cần Thơ	ID, Phạm Ngũ Lão - Phường Thới Bình - Quận Ninh Kiều - Cần Thơ	Lợi nhuận Hợp tác đầu tư 65.928.082	
8	Công ty Cổ phần FIT Consumer	Công ty con	0313522734 Ngày cấp: 04/01/2019 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hồ Chí Minh	276 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Lợi nhuận Hợp tác đầu tư 827.198.015	